

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Số: 34/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tân Định, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Tân Định về dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Tân Định năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2965/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Tân Định về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 58/TTr-KTHT ngày 12 tháng 1 năm 2026 về công khai dự toán ngân sách năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Tân Định, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy phường;
- HĐND phường;
- UBMTTQVN phường;
- UBND phường: CT, các PCT;
- Lưu: VT. (KTHTĐT) MT.05b.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hải Quân



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	383.467	TỔNG SỐ CHI	383.467
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	8.532	I. Chi đầu tư phát triển	300
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000		
- Phí, Lệ phí	292		
- Thu khác	1.240		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	25.109	II. Chi thường xuyên	371.962
-Lệ phí trước bạ	25.109		
III. Thu bổ sung	349.826	III. Dự phòng	11.205
- Bổ sung cân đối	246.027		
- Bổ sung có mục tiêu	103.799		
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	4.084.000	383.467
I	Các khoản thu 100%		
	Phí, lệ phí	2.000	292
	Thu từ khu vực kinh tế Nhà nước	90.000	
	Thu từ khu vực kinh tế Đầu tư nước ngoài	250.000	
	Thuế CTN ngoài quốc doanh	2.400.000	
	Lệ phí trước bạ	170.000	
	Thuế TNCN	1.100.000	
	Tiền sử dụng đất	3.000	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.000	7.000
	Thu khác	62.000	1.240
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		
1	Các khoản thu phân chia		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		25.109
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		349.826
	- Thu bổ sung cân đối		246.027
	- Thu bổ sung có mục tiêu		103.799



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	383.467	300	383.167
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	183.355		183.355
2	Chi quốc phòng	14.777		14.777
3	Chi an ninh	9.466		9.466
4	Chi y tế, dân số và gia đình	29.129		29.129
5	Chi văn hóa, thông tin	906		906
6	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0
7	Chi thể dục thể thao			
8	Chi bảo vệ môi trường	718		718
9	Chi các hoạt động kinh tế	2.324		2.324
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	71.322		71.322
11	Chi sự nghiệp xã hội	57.192		57.192
12	Chi khác	2.773		2.773
13	Dự phòng ngân sách	11.205		11.205

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2026	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2026	Dự toán năm ...		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Chia theo nguồn vốn	
							Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách
- Dự án cải tạo, nâng cấp cụm vỉa hè tại Khu phố 1 đến Khu phố 11 phường Tân Định (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Trần Nguyễn Đán, Trần Quang Khải, Trần Quý Khoách, Trần Nhật Duật, Đặng Tất, Nguyễn Văn Nguyễn)	2027-2029	50						
- Dự án cải tạo, nâng cấp cụm vỉa hè tại Khu phố 12 đến Khu phố 14 phường Tân Định (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Hữu Cầu, Thạch Thị Thanh)	2028-2030	50						
- Dự án cải tạo, nâng cấp hẻm, cụm vỉa hè tại Khu phố 15 đến Khu phố 20 phường Tân Định (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Phan Kế Bính, Huỳnh Khương Ninh, Phan Ngự, Phan Tôn, Phan Liêm và hẻm đường Nguyễn Văn Thủ)	2028-2030	50						
Trong đó: hoàn thành trong năm								

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

**THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, THU CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG TÂN ĐỊNH NĂM 2026**

Theo quy định tại Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định: Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, bảo đảm không thấp hơn dự toán thu ngân sách nhà nước được cấp trên giao; dự toán thu ngân sách địa phương; dự toán chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán ngân sách cấp mình (tổng số, bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết, chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, dự phòng ngân sách).

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước: 4.084.000 triệu đồng.

2. Dự toán thu ngân sách phường: 33.641 triệu đồng.

Bao gồm

- Thu ngân sách hưởng 100% 8.532 triệu đồng

Trong đó: + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 7.000 triệu đồng

+ Phí lệ phí 292 triệu đồng

+ Thu khác: 1.240 triệu đồng

- Thu điều tiết 25.109 triệu đồng

Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất (70%) 25.109 triệu đồng

Chi tiết như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán thu năm 2026	
	NSNN	NS phường
Tổng số	4.084.000	33.641
1. Thu khu vực kinh tế Nhà nước	90.000	
2. Thu khu vực kinh tế Đầu tư nước ngoài	250.000	
3. Thuế CTN ngoài quốc doanh	2.400.000	
2. Lệ phí trước bạ	170.000	
Trong đó: Lệ phí TB nhà đất	35.870	25.109
3. Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000	
4. Thuế SD đất phi nông nghiệp	7.000	7.000
6. Tiền sử dụng đất	3.000	

8. Phí - lệ phí	2.000	292
10. Thu khác ngân sách	62.000	1.240

3. Số bổ sung từ ngân sách Thành phố 340.878 triệu đồng

Trong đó:

- Số bổ sung cân đối từ ngân sách Thành phố 114.194 triệu đồng
- Số bổ sung từ ngân sách Thành phố để thực hiện cải cách tiền lương 131.833 triệu đồng
- Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố 94.851 triệu đồng

4. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương 8.948 triệu đồng

5. Về Dự toán chi ngân sách phường 383.467 triệu đồng

Bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 300 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 371.962 triệu đồng.
- Dự phòng: 11.205 triệu đồng

6. Phân bổ dự toán ngân sách năm 2026

a) Nguyên tắc phân bổ dự toán ngân sách năm 2026

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026 thực hiện theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách phường được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở theo quy định hiện hành, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách được nhà nước ban hành. Quán triệt chủ trương tiết kiệm chống lãng phí theo quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Tiếp tục thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ). Căn cứ tình hình thu, chi tài chính năm 2026, quỹ tiền lương và các khoản chi hoạt động thường xuyên, các chính sách hỗ trợ, thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ giáo viên dạy hòa nhập khuyết tật; chính sách hỗ trợ cho giáo viên mầm non, mua sắm, sửa chữa,... theo quy định.

- Đối với cơ quan hành chính Ủy ban nhân dân phường: Tiếp tục áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ.

- Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể theo quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và định mức khoán chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được giao 85 triệu đồng/biên chế/năm.

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ chung, hoạt động phong trào như sau:

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của khối Đảng là 2.000 triệu đồng/năm.

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân phường là 1.500 triệu đồng/năm;

+ Phân bổ thêm kinh phí thực hiện các hoạt động phong trào của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường là 1.500 triệu đồng/năm.

+ Kinh phí hoạt động thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân: phân bổ kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân phường là 41 triệu đồng/đại biểu/năm.

+ Chi chế độ cho khu phố, khu dân cư... theo quy định.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: kinh phí phân loại rác tại nguồn, các hoạt động bảo vệ môi trường khác.

- Chi hoạt động kinh tế: kinh phí hỗ trợ liên quan lĩnh vực kinh tế khác.

- Chi sự nghiệp y tế: kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành.

- Chi sự nghiệp văn hóa – thông tin, thể dục thể thao: kinh phí chi các hoạt động sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh truyền hình là 850 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ; các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ*); phòng chống các tệ nạn xã hội, chi hỗ trợ ngày thương binh liệt sĩ 27/7, chi trợ cấp Tết và các chính sách chế độ khác theo quy định; chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Chi quốc phòng, an ninh: kinh phí đảm bảo các hoạt động quốc phòng - an ninh trên địa bàn các xã, phường là 3.000 triệu đồng/năm; kinh phí đảm bảo

chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân cấp xã; chế độ, chính sách của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các chính sách khác theo quy định.

Các khoản chi nêu trên chưa bao gồm:

+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2026.

+ Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương) để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội.

- Kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: hệ số chi tăng thu nhập tăng thêm bố trí dự toán ngân sách năm 2026 tối đa là 1,5 lần so với tiền lương ngạch bậc, chức vụ.

b) Phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 như sau:

DVT: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán 2026	Tỷ trọng %	Ghi chú
A	1	2	3
TỔNG SỐ (I+II+III)	383.467	100,00	
I. Chi đầu tư phát triển	300	0,08	
II. Chi thường xuyên	371.962	96,99	
1. Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	183.355	47,82	
2. Chi quốc phòng	14.777	3,86	
3. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	9.466	2,47	
4. Chi y tế	29.129	7,59	
5. Chi văn hóa thông tin	906	0,24	
6. Chi bảo vệ môi trường	718	0,19	
8. Chi hoạt động kinh tế	2.324	0,60	
9. Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể	71.322	18,59	
10. Chi đảm bảo xã hội	57.192	14,91	
11. Chi khác ngân sách	2.773	0,72	
III. Dự phòng ngân sách	11.205	2,93	

c) Thuyết minh các nội dung chi:

1. Chi đầu tư phát triển: 300 triệu đồng, bố trí kế hoạch vốn cho 06 dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (mỗi dự án là 50 triệu đồng). Kế hoạch vốn này đã được Ủy ban nhân dân phường đề xuất để chuẩn bị đầu tư dự án (lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi) trước khi đề xuất kế hoạch vốn thực hiện các dự án.

Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2026, Ủy ban nhân dân Thành phố dự kiến giao cho ngân sách phường theo hình thức bổ sung có mục tiêu (theo Công văn số 3732/UBND-DA ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về danh mục dự án và dự kiến mức vốn hỗ trợ cho xã, phường, đặc khu trong dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030). Sau khi có hướng dẫn của Sở Tài chính về thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư các dự án của cấp xã, Ủy ban nhân dân phường sẽ trình Hội đồng nhân dân phường chi tiết dự án và dự toán phân bổ kế hoạch vốn năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố trong kỳ họp gần nhất.

2. Chi thường xuyên:

- Chi giáo dục - đào tạo: 183.355 triệu đồng, bố trí kinh phí chế độ, chính sách, hoạt động của ngành giáo dục, sửa chữa, mua sắm, cấp bù học phí, hỗ trợ học phí, miễn giảm chi phí học tập và các hoạt động giáo dục khác.

- Chi quốc phòng: 14.777 triệu đồng, bố trí kinh phí hoạt động quốc phòng và chế độ của lực lượng dân quân.

- Chi an ninh, trật tự an toàn xã hội: 9.466 triệu đồng, bố trí kinh phí lực lượng bảo vệ an ninh trật tự cơ sở và công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường.

- Chi y tế, dân số: 29.129 triệu đồng, bố trí kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế; chúc thọ người cao tuổi, kinh phí cộng tác viên dân số và sức khỏe cộng đồng, thực hiện các chính sách về y tế, dân số.

- Chi văn hóa thông tin, thể thao: 906 triệu đồng, bố trí kinh phí tuyên truyền, hoạt động văn hóa thông tin.

- Chi bảo vệ môi trường: 718 triệu đồng, bố trí kinh phí tuyên truyền bảo vệ môi trường và phân loại rác tại nguồn (Công tác quét rác, thu gom, vận chuyển rác chưa giao về phường thực hiện).

- Chi các hoạt động kinh tế: 2.324 triệu đồng, bố trí kinh phí nguồn chi thu nhập tăng thêm của Ban Quản lý chợ phường Tân Định,

- Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 71.322 triệu đồng, bố trí kinh phí hoạt động quản lý nhà nước, khu phố, khen thưởng... (trong đó kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031: 2.037 triệu đồng).

- Chi đảm bảo xã hội: 57.192 triệu đồng, bố trí kinh phí trợ cấp người có công cách mạng, hỗ trợ kinh phí tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, trợ cấp xã

hội theo quy định. Kinh phí từ ngân sách Trung ương là 8.948 triệu đồng thực hiện theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Chi khác ngân sách: 2.773 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách: 11.205 triệu đồng, sử dụng chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi mà chưa được dự toán.